

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Khoa học và công nghệ Thái Nguyên

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung tâm phát triển khoa học và công nghệ Thái Nguyên

Mã đơn vị: T55010003

Loại hình đơn vị: Đơn vị sự nghiệp

Mẫu 09c-CK/TSC

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
KHÁC NĂM 2022**

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Ô tô		1	819.750,80	819.750,80		204.949,00							
1	MITSUBISHI-20A-00140		1	819.750,80	819.750,80		204.949,00			X				
II	Tài sản cố định khác		234	30.441.473,75	30.231.342,98	210.130,77	5.008.748,83							
	Tài sản trên 500 triệu		9	11.376.783,80	11.376.783,80		2.240.614,20							
1	Quả chuẩn hạng M1 (1000 Quả)		1	715.395,19	715.395,19									
2	Thiết bị hiệu chuẩn nhiệt ẩm kế phòng LabEvent L C/100/40/5 (Tủ chuẩn nhiệt độ, độ ẩm dùng để hiệu chuẩn nhiệt kế)		1	1.746.800,00	1.746.800,00		1.222.760,00							
3	Máy kéo nén thủy lực vạn năng xử lý bằng máy vi tính (kèm 01 máy tính để bàn + 01 máy in)		1	1.308.845,19	1.308.845,19									
4	Bộ Pipet chuẩn. Gồm 5 pipet: 2L, 5L, 10L, 20L, 50L. (01 điều hoà 1 chiều 12000 BTU)		1	567.090,44	567.090,44		37.085,22							

5	Bản kiểm định 3 pha 12 vị trí Haiyan SYD-12		1	910.000,00	910.000,00		728.000,00							
6	Bộ thiết bị chụp ảnh bức xạ công nghiệp, (gồm 4 TB)		1	2.435.624,69	2.435.624,69		252.768,98							
7	Bộ kiểm tra và hiệu chuẩn thiết bị tia X-quang chụp cắt lớp vi tính CT Scanner.		1	847.844,19	847.844,19									
8	Đồng hồ xăng dầu 4"		1	847.040,41	847.040,41									
9	Thiết bị siêu âm PHASED ARRAY.		1	1.998.143,69	1.998.143,69									
	Tài sản dưới 500 triệu		225	19.064.689,95	18.854.559,18	210.130,77	2.768.134,63							
1	Giếng khoan, giếng đào, tường rào		1	194.000,00	194.000,00									
2	Các vật kiến trúc khác(Bục sân khấu xây cát, xi măng, lát gạch)		1	33.750,00	33.750,00		6.750,00							
3	Máy tính để bàn đồng bộ Dell Vostro 3471ST		1	14.890,20	14.890,20		5.956,08							
4	Máy tính đồng bộ Dell Vostro 3670		1	14.820,00	14.820,00									
5	Máy tính đồng bộ Dell Vostro 3670		1	14.820,00	14.820,00									
6	Máy tính đồng bộ Dell Vostro 3670		1	14.820,00	14.820,00									
7	Máy tính để bàn đồng bộ Dell Vostro 3471ST		1	14.890,20	14.890,20		5.956,08							
8	Máy tính đồng bộ Dell Vostro 3670		1	14.820,00	14.820,00									
9	Máy tính đồng bộ Dell Vostro 3670		1	14.820,00	14.820,00									
10	Máy tính đồng bộ Dell Vostro 3670MT	Hành chính tổng hợp	1	14.950,00	14.950,00		2.990,00							
11	Máy tính để bàn		1	13.750,00	13.750,00									
12	Máy tính để bàn đồng bộ Dell Vostro 3471ST		1	14.890,20	14.890,20		5.956,08							
13	Máy tính đồng bộ Dell Vostro 3670		1	14.820,00	14.820,00									
14	Máy tính đồng bộ Dell Vostro 3670MT	Hành chính tổng hợp	1	14.950,00	14.950,00		2.990,00							
15	Máy tính đồng bộ Dell Vostro 3670		1	14.820,00	14.820,00									

16	Máy tính đồng bộ Dell Vostro 3670MT	Hành chính tổng hợp	1	14.950,00	14.950,00	2.990,00								
17	Máy tính để bàn đồng bộ Dell Vostro 3471ST		1	14.890,20	14.890,20	5.956,08								
18	Máy tính sách tay		1	14.700,00	14.700,00									
19	Hệ thống máy chủ và mạng LAN		1	364.204,37	364.204,37	0,00								
20	Màn hình máy tính Dell UltraSharp U2917W		1	14.490,00	14.490,00									
21	Máy tính Dell Precision 3620		1	34.970,00	34.970,00									
22	Máy tính chuyên dụng Dell Precision T5810		1	59.700,00	59.700,00									
23	Máy chủ IBM x3650 M4		1	109.500,00	109.500,00									
24	Máy in laser A3 canon LBP 8780X		1	25.750,00	25.750,00									
25	Máy in offset 2 màu-Sakurai Model:Olive 258 EPII		1	459.090,91	459.090,91									
26	Máy photo Rico 2501L		1	50.150,00	50.150,00	12.537,50								
27	Máy Photocopy		1	50.150,00	50.150,00	12.537,50								
28	Máy điều hòa nhiệt độ		1	12.300,00	12.300,00									
29	Điều hòa Panasonic 1200BTU		1	14.830,00	14.830,00	1.853,75								
30	Máy điều hòa nhiệt độ		1	12.300,00	12.300,00									
31	Máy điều hòa nhiệt độ		1	12.300,00	12.300,00									
32	Điều hòa Panasonic 1200BTU		1	16.500,00	16.500,00	2.062,50								
33	Điều hòa nhiệt độ Reetech 2400		1	17.778,00	17.778,00									
34	Bộ bàn ghế Salon		1	12.500,00	12.500,00									
35	Bộ bàn ghế cột		1	27.500,00	27.500,00									
36	Bộ bàn ghế tiếp khách		1	11.500,00	11.500,00									
37	Bộ bàn ghế đồng ký tay 9		1	13.500,00	13.500,00									

38	Bàn phòng họp		1	30.480,00	30.480,00		11.430,00							
39	Bàn họp, ghế họp, ghế chủ tọa		1	19.998,00	19.998,00									
40	Máy quyetts tài liệu HP5000 s2		1	20.000,00	20.000,00									
41	Bộ bàn ghế làm việc(Phòng GD Hiện)		1	11.300,00	11.300,00									
42	Máy chiếu đa năng, màn chiếu 3 chân		1	28.000,00	28.000,00									
43	Bộ máy chiếu		1	36.639,60	36.639,60									
44	Chân máy quay Libec		1	17.600,00	17.600,00									
45	Máy quay phim chuyên dùng Sony Model HXR-NX3		1	83.600,00	83.600,00									
46	Máy chụp bán SBD 700		1	55.900,00	55.900,00									
47	Máy ảnh Kỹ thuật số Canon powerShotSX40HS		1	13.200,00	13.200,00									
48	Máy ảnh+ TB tuyên tin hiệu		1	34.100,00	34.100,00									
49	Loa treo tường BMB 450		1	15.160,00	15.160,00									
50	Amply Jaguar PA-203N		1	11.200,00	11.200,00									
51	Bộ loa, âm ly, đầu VCD, Micro		1	19.950,00	19.950,00									
52	Loa treo tường BMB 450		1	15.160,00	15.160,00									
53	Micro không dây		1	23.100,00	23.100,00									
54	Tăng âm trung tâm		1	13.317,02	13.317,02									
55	Tủ lạnh Hitachi		1	18.100,00	18.100,00									
56	Hệ thống Camera giám sát an ninh		1	65.617,00	65.617,00		19.685,10							
57	Tài liệu lãnh đạo sơn PU cao cấp. Khoảng trên 4 cánh kính khung gỗ, trong có 2 ngăn		1	11.250,00	11.250,00									
58	Tủ gỗ 4 buồng, sơn PU cao cấp Hoà Phát		1	10.000,00	10.000,00									
59	Lưu điện SANTAK TRUE ONLINE 10KVA		1	94.140,00	94.140,00		28.242,00							



60	Biển hiệu: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng		1	40.320,00	40.320,00										
61	Giá đỡ thiết bị (giá lưu mẫu)		1	11.200,00	11.200,00										
62	Giá đỡ thiết bị (giá lưu mẫu)		1	11.200,00	11.200,00										
63	Bộ thiết bị kiểm định máy X-Quang chụp Vú		1	430.000,00	430.000,00			344.000,00							
64	Máy tính bảng Samsung Tab S7 Plus		1	23.850,00	23.850,00			14.310,00							
65	Dụng cụ kiểm tra độ phân giải tương phản cao.		1	41.344,19	41.344,19			4.240,93							
66	Bộ xích chuẩn kiểm định cân bằng tải		1	75.500,00	75.500,00										
67	Bình chuẩn dung tích hạng 2 inox:		1	50.000,00	50.000,00										
68	Bộ chuẩn dung tích thủy tinh		1	57.771,46	57.771,46			9.507,49							
69	Bộ xích chuẩn kiểm định cân bằng tải		1	489.200,00	489.200,00			244.600,00							
70	Dụng cụ đo độ dài, đo đường kính		1	19.085,00	19.085,00			11.451,00							
71	Máy đo phóng xạ điện tử hiển thị số.		1	66.344,19	66.344,19										
72	Thiết bị đo tốc độ gió		1	87.300,00	87.300,00			43.650,00							
73	Máy đo phóng xạ Gama		1	242.000,00	242.000,00			96.800,00							
74	Cân kỹ thuật A&D GX-30K		1	76.500,00	76.500,00			61.200,00							
75	Quả chuẩn hạng M1 (500 quả)		1	417.271,49	417.271,49										
76	Thiết bị kiểm đồng hồ nước lưu động		1	91.670,44	91.670,44										
77	Bộ quả cân xác định sai số M, Bộ gồm: + 01 quả 10kg M1 + 20 quả 2 kg M1		1	22.080,00	22.080,00										
78	Bơm thử áp lực điều khiển điện dải trung		1	142.600,00	142.600,00			71.300,00							
79	Thiết bị lấy mẫu xăng dầu		1	21.452,45	21.452,45										
80	Dụng cụ kiểm tra độ phân giải cao tương phản thấp. Gồm: 02 Bản nhôm, 01 bản chì,		1	31.344,19	31.344,19			6.740,93							
81	Bộ quả cân E2(phạm vi đo 1g-500g)		1	17.600,00	17.600,00			5.280,00							

82	Thiết bị kiểm tra tách khí		1	16.800,00	16.800,00									
83	Cân kỹ thuật 2 số lẻ ENTRIS 6202i-1S		1	46.200,00	46.200,00		32.340,00							
84	Bộ bình chuẩn hạng 2 kiểm định cột đo nhiên liệu		1	303.571,46	303.571,46									
85	Thiết bị kiểm định hiệu chuẩn máy theo dõi bệnh nhân	Đo lường- kiểm định, Hiệu chuẩn	1	324.500,00	324.500,00		194.700,00							
86	Bộ thiết bị dụng cụ phục vụ khám xét chuẩn đoán đường ống dẫn hơi nước, nước nóng,	Đo lường- kiểm định,	1	14.300,00	14.300,00		8.580,00							
87	Máy thủy bình	Đo lường- kiểm định,	1	11.935,00	11.935,00		7.161,00							
88	Máy kinh vĩ điện tử	Đo lường- kiểm định,	1	50.050,00	50.050,00		30.030,00							
89	Thiết bị phân tích kiểm tra an toàn điện cho các thiết bị y tế	Đo lường- kiểm định,	1	231.000,00	231.000,00		138.600,00							
90	PHANTOM kiểm tra X quang	Đo lường- kiểm định,	1	120.450,00	120.450,00		72.270,00							
91	PHANTOM tương phản chi tiết	Đo lường- kiểm định,	1	488.400,00	488.400,00		293.040,00							
92	Thiết bị đo nhiệt độ hồng ngoại không tiếp xúc	Đo lường- kiểm định,	1	10.175,00	10.175,00		6.105,00							
93	Máy đo vận tốc dài, vận tốc vòng quay	Đo lường- kiểm định,	1	55.000,00	55.000,00		33.000,00							
94	Thiết bị kiểm định công tơ điện 1 pha lưu động	Đo lường- kiểm định,	1	316.250,00	316.250,00		189.750,00							
95	Thiết bị kiểm tra trường ánh sáng		1	36.344,19	36.344,19		5.490,93							
96	Bộ quả chuẩn F1 (1-500)g		1	24.500,00	24.500,00									
97	Bàn tạo áp kiểm định đồng hồ áp lực		1	57.000,00	57.000,00									
98	Thiết bị nội soi đường ống		1	104.800,00	104.800,00		52.400,00							
99	Bộ quả cân E2(phạm vi đo 1.2.2.5kg)		1	56.100,00	56.100,00		16.830,00							
100	Thước chuẩn 1000mm (Thiết bị hiệu chuẩn thước cặp, panme đến 1000mm)		1	114.271,46	114.271,46		22.909,37							
101	Dụng cụ kiểm tra tiếp điểm phim màn hình.		1	31.344,19	31.344,19		6.740,93							
102	Thiết bị khảo sát phóng xạ dùng buồng ion hóa.		1	186.344,19	186.344,19		7.590,93							

CƠ KHÍ
 CÔNG
 CƠ KHÍ
 CÔNG
 CƠ KHÍ
 CÔNG

103	Bình chuẩn dung tích hạng 2 inox:		1	68.650,00	68.650,00									
104	Thiết bị đo tốc độ vòng quay.		1	55.071,46	55.071,46		20.807,84							
105	Máy định vị vệ tinh GPS(Máy Garmin)		1	11.110,00	11.110,00		4.444,00							
106	Bộ thấu kính chuẩn kiểm định chỉ số lằng kính của máy đo tiêu cự kính mắt		1	39.600,00	39.600,00		19.800,00							
107	Thiết bị đo ổn điện từ		1	34.100,00	34.100,00		17.050,00							
108	Máy kiểm định X Quang Y tế (Gamex 330)		1	112.000,00	112.000,00									
109	Bộ đo tiêu điểm chùm tia.		1	113.344,19	113.344,19									
110	Thiết bị chống nhiễm xạ cho kỹ thuật viên: 01 Áo giáp Chì, 01 đôi găng tay suy giảm bức xạ, 01 Chiếc kính chì, 01 giá treo kèm mắc áo.		1	125.824,19	125.824,19									
111	Bộ quả chuẩn hạng F2 1kg-10kg. Gồm: 01 quả 01kg; 02 quả 02kg; 01 quả 05kg; 01 quả 10kg.		1	41.425,19	41.425,19		4.467,63							
112	Máy PH cầm tay		1	12.720,00	12.720,00									
113	Bộ thiết bị kiểm định huyết áp kế		1	94.324,19	94.324,19									
114	Tủ nuôi cấy vi sinh ESCO (Tủ nuôi an toàn cấp độ II)		1	159.000,00	159.000,00									
115	Áp kế chuẩn.		1	51.672,10	51.672,10									
116	giàn nuôi cấy mô		1	18.428,57	18.428,57									
117	Thiết bị kiểm tra chất lượng màn hình.		1	94.344,19	94.344,19									
118	Thiết bị kiểm tra điện tim		1	75.000,00	75.000,00									
119	Tủ chống ẩm Model: DHC-500.		1	76.418,27	76.418,27									
120	Tủ bảo quản Sanyo		1	12.700,00	12.700,00									
121	Phantom tương phản/chỉ tiết.		1	73.344,19	73.344,19									

122	Rèm lá nhựa		1	155.161,60	155.161,60	19.395,20							
123	giàn nuôi cấy mô		1	18.428,57	18.428,57								
124	Máy lăc nhiệt độ phòng		1	134.500,00	134.500,00								
125	Phantom kiểm tra X-quang Rex.		1	255.344,19	255.344,19								
126	Nồi hấp Hirayama- Nhật		1	132.700,00	132.700,00								
127	Kính hiển vi		1	20.000,00	20.000,00								
128	Hệ thống kiểm định X quang		1	210.075,80	210.075,80								
129	giàn nuôi cấy mô		1	18.428,57	18.428,57								
130	Bàn hội trường		1	55.440,00	55.440,00	6.930,00							
131	Thiết bị thử độ bền cách điện		1	57.200,00	57.200,00	7.150,00							
132	Máy đo điện trở cách điện.		1	32.490,44	32.490,44	5.475,23							
133	giàn nuôi cấy mô		1	18.428,57	18.428,57								
134	Tủ nuôi cấy vi sinh ESCO (Tủ nuôi an toàn cấp độ II)		1	159.000,00	159.000,00								
135	Máy xén giấy		1	30.000,00	30.000,00								
136	Máy kiểm tra khuyết tật kim loại bằng siêu âm. (Thiếu đầu dò 60° do đang bảo hành theo chỉ đạo của BQL DA)		1	418.395,19	418.395,19								
137	Liều kế cá nhân		1	37.114,73	37.114,73								
138	Xe đẩy phòng thí nghiệm 2 tầng		1	12.000,00	12.000,00								
139	Bàn họp cơ quan		1	27.600,00	27.600,00								
140	Thiết bị đo đa chức năng.		1	205.344,19	205.344,19								
141	Ghế hội trường gỗ tự nhiên		1	42.840,00	42.840,00	5.355,00							

142	Tủ chống ẩm Model: DHC-500.		1	76.418,27	76.418,27									
143	Đầu đo chỉ số XeeTan (Bổ xung cho máy đo chỉ số Octane		1	19.800,00	19.800,00	4.950,00								
144	Ghế họp cơ quan		1	11.500,00	11.500,00									
145	giàn nuôi cấy mô		1	18.428,57	18.428,57									
146	Bộ dụng cụ đo cầm tay, gồm 6 dụng cụ: Thước đo độ dày khe hở, Thước cuộn 30m, Đồng hồ so (25mm; 50mm), Thước cặp điện tử (150 mm;300mm), Thước cặp cơ 600mm, Máy đo khoảng cách.		1	84.671,46	84.671,46									
147	Tủ nuôi cấy vi sinh ESCO (Tủ nuôi an toàn cấp độ II)		1	159.000,00	159.000,00									
148	Thiết bị phân tích khí thái.		1	331.495,19	331.495,19									
149	Bộ thiết bị hiệu chuẩn áp kế/chân không kế lưu động		1	365.144,19	365.144,19									
150	Cân bàn điện tử 30 kg - TScale		1	39.000,00	39.000,00									
151	Cân phân tích hiện số.		1	110.175,19	110.175,19									
152	Thiết bị kiểm định công tơ điện 1 pha lưu động		1	61.600,00	61.600,00	15.400,00								
153	Bàn Inox làm giồng		1	16.000,00	16.000,00									
154	Bộ điện trở mẫu model: RBB6C		1	59.700,00	59.700,00									
155	Bộ thiết bị chuẩn kiểm định phương tiện đo tiêu cự kính mắt		1	293.700,00	293.700,00	73.425,00								
156	Bàn kiểm công tơ 1 pha 6 vị trí (Tự động - Kỹ thuật số) đang hỏng. (01 máy tính xách tay và 01 máy in)		1	236.100,44	236.100,44									
157	Thiết bị kiểm định, kiểm tra nhanh Taximet		1	16.500,00	16.500,00	4.125,00								
158	Tủ chống ẩm Model: DHC-500.		1	76.418,27	76.418,27									
159	Thiết bị đo công suất siêu âm.		1	185.924,19	185.924,19									

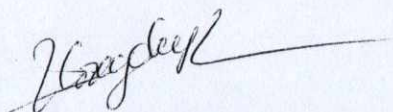
179	Cân lực kế treo điện tử loại 10, 15, 20, 25 tấn		1	226.771,46	226.771,46									
180	Bộ kiểm định công tơ 1 pha lưu động kỹ thuật số		1	207.610,44	207.610,44									
181	Biển hiệu Trung tâm Phát Triển KH Và CN Tỉnh Thái Nguyên		1	29.000,00	29.000,00		10.875,00							
182	Tủ chống ẩm		1	18.700,00	18.700,00		7.012,50							
183	Liều kê cá nhân		1	37.114,73	37.114,73									
184	Cân điện tử.		1	41.425,19	41.425,19		1.360,74							
185	Biển hiệu cơ quan (Trung tâm ứng dụng)		1	37.120,00	37.120,00		4.640,00							
186	Cân phân tích AS/C/2		1	31.800,00	31.800,00									
187	Thiết bị mô phỏng điện não đồ EEG.		1	69.794,19	69.794,19									
188	Bộ thiết bị kiểm tra áp kế áp suất cao.		1	246.344,19	246.344,19									
189	Áp kế mẫu		1	30.200,00	30.200,00									
190	Thiết bị đo chiều dày vật liệu.		1	139.655,19	139.655,19									
191	giàn nuôi cấy mô		1	18.428,57	18.428,57									
192	giàn nuôi cấy mô		1	18.428,57	18.428,57									
193	Máy đo suất liều phóng tia X và Gamma		1	85.000,00	85.000,00		21.250,00							
194	giàn nuôi cấy mô		1	18.428,57	18.428,57									
195	Tủ chống ẩm Model: DHC-500.		1	76.418,28	76.418,28									
196	Nồi hấp Hirayama- Nhật		1	132.700,00	132.700,00									
197	Máy lắc ngang IKA		1	63.640,00	63.640,00									
198	Máy kiểm tra độ cứng đa năng cầm tay.		1	458.875,19	458.875,19									
199	Thiết bị kiểm tra độ dày kiểu điện tử.		1	122.341,19	122.341,19		227,88							

200	Thiết bị kiểm tra và hiệu chuẩn máy điện tim.		1	146.444,19	146.444,19													
201	giàn nuôi cấy mô		1	18.428,57	18.428,57													
202	giàn nuôi cấy mô		1	18.428,57	18.428,57													
203	Tủ chống ẩm Model: DHC-500.		1	76.418,27	76.418,27													
204	Thiết bị kiểm tra điện não		1	50.000,00	50.000,00													
205	Xe vận chuyển chuyên dùng		1	23.460,00	23.460,00													
206	Thiết bị đo PH để bàn		1	24.400,00	24.400,00													
207	Máy cất nước 1 lần		1	25.500,00	25.500,00													
208	Máy phân tích chỉ số Octane trong xăng dầu		1	424.710,00	424.710,00		53.088,75											
209	giàn nuôi cấy mô		1	18.428,57	18.428,57													
210	Bàn kiểm công tơ tự động 3 pha 6 vị trí		1	438.280,44	438.280,44													
211	Máy tạo áp		1	54.200,00	54.200,00													
212	Máy khuấy từ ra nhiệt IKA		1	10.000,00	10.000,00													
213	Ổ cứng dùng cho máy chủ HDPI DM 1,2tb 10k SAS2.5		1	24.000,00		24.000,00	15.000,00				X							
214	Thiết bị đo điện thế và dòng điện (tài sản dự án tầng NG)		1	21.185,75	21.185,75		13.241,09											
215	Máy điều hòa nhiệt công suất 9000 (tài sản dự án tầng NG)	Đo lường-kiểm định, Hiệu chuẩn	1	21.664,19	21.664,19		13.540,12											
216	Máy điều hòa nhiệt công suất 9000 (tài sản dự án tầng NG)		1															
217	Đồng hồ bấm giây (tài sản dự án tầng NG)	Đo lường-kiểm định,	1	28.971,46	28.971,46		18.107,16											
218	Thiết bị đo cường độ ánh sáng (tài sản tầng NG)	Đo lường-kiểm định,	1	31.471,46	31.471,46		19.669,66											
219	Thiết bị đo điện thế và dòng điện (tài sản dự án tầng NG)	Đo lường-kiểm định, Hiệu chuẩn	1	21.185,75	21.185,75		13.241,09											



220	Điều hòa nhiệt độ công suất 12000 (tài sản dự án tầng NG)	Đo lường-kiểm định, Liều chuẩn	1	22.844,19	22.844,19		14.277,62							
221	Phần mềm kế toán MISA	Hành chính tổng hợp	1	10.000,00		10.000,00	4.000,00							
222	9619.0271/CT-BTCVALUE		1	163.130,77		163.130,77	32.626,15			X				
223	Nâng cấp phần mềm kiểm định cho bàn kiểm định công tơ điện 3 pha		1	18.700,00	18.700,00									
224	Bản quyền phần mềm Kaspersky dùng cho máy tính	Hành chính tổng hợp	1	13.000,00		13.000,00	5.200,00							
225	Máy tính để bàn FPT ELEAD T06i		1	9.290,60	9.290,60									
	Tổng		235	31.261.224,55	31.051.093,78	210.130,77	5.213.697,82							

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



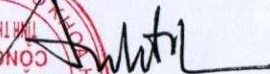
Phạm Thị Hồng Điệp

....., ngày 23 tháng 3 năm 2023

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, họ tên và đóng dấu)





Trương Anh Tuấn